Phẩm 7: THANH TÍN NỮ

KINH SỐ 1

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, người đầu tiên thọ trì đạo mà chứng quả, chính là Ưu-bà-tư Nan-đà Nan-đà-bà-la[1].

Trí tuệ đệ nhất, chính là Ưu-bà-tư Cửu-thọ-đa-la[2].

Thường thích tọa thiền, chính là Ưu-bà-tư Tu-tỳ-da Nữ[3].

Tuệ căn tỏ rõ, chính là Ưu-bà-tư Tỳ-phù.

Kham năng nói pháp, chính là Ưu-bà-tư Ương-kiệt-xà.

Khéo diễn nghĩa kinh, chính là Ưu-bà-tư Bạt-đà-sa-la Tu-diệm-ma.

Hàng phục ngoại đạo, chính là Ưu-bà-tư Bà-tu-đà.

Âm vang trong suốt, chính là Ưu-bà-tư Vô Ưu.

Hay luận giải nhiều đề tài, chính là Ưu-bà-tư Bà-la-đà.

Dũng mãnh tinh tấn, chính là Ưu-bà-tư Tu-đầu.

M

Kệ tóm tắt:

Nan-đà-đà, Cửu-thọ
Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà
Tu-diệm cùng Vô Ưu
Bà-la-đà, Tu-đầu.

M

KINH SỐ 2

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, cúng dường Như Lai, chính là phu nhân Ma-lợi[4].

Thừa sự chánh pháp, chính là phu nhân Tu-lại-bà.

Cúng dường Thánh chúng, chính là phu nhân Xả-di.

Chiêm ngưỡng Hiền sĩ quá khứ tương lai, chính là phu nhân Nguyệt Quang.

Đàn-việt đệ nhất, chính là phu nhân Lôi Điện[5].

Luôn hành Từ Tam-muội, chính là Ưu-bà-tư Ma-ha Quang[6].

---

1. Không rõ tiểu sử. Pāli, A.i. 25: Nữ quy y đầu tiên là Sujātā Seniyadhīta.
2. Pāli: Khujjuttarā, đa văn đệ nhất (bahussutānaṃ).
3. A.i.26: Đệ nhất tọa thiền, Uttarā Nandamātā. Hán có thể đồng nhất với Suppiyā của Pāli, cf. Vin. 1. 216, Xem Tứ phần 42, T22n1428, tr. 868c7.
4. Pāli: Mallikā.
5. A.i. 26: Đệ nhất bố thí, Visākhā.

Hành tâm Bi, hằng thương xót, chính là Ưu-bà-tư Tỳ-đề.
Tâm Hỷ không dứt, chính là Ưu-bà-tư Bạt-đề.
Hành nghiệp thủ hộ, chính là Ưu-bà-tư Nan-đà Mẫu[7].
Được tín giải thoát, chính là Ưu-bà-tư Chiếu Diệu.

M

Kệ tóm tắt:

Ma-lợi, Tu-lại-bà
Xả-di, Quang Nguyệt, Lôi
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà
Nan-đà cùng Chiếu Diệu.

M

6. Để bản: Ma-ha quang 摩訶光. TNM: Ma-ha tiên. Pāli, A.i. 26: Đệ nhất hành Từ vô lượng, Sāmāvatī (mettāvihārinaṃ).
7. Pāli: (Uttarā) Nandamātā, xem cht. kinh số 1, phẩm 7 trên.

KINH SỐ 3

Ưu-bà-tư đệ nhất trong hàng đệ tử của Ta, thường hành nhẫn nhục, chính là Ưu-bà-tư Vô Ưu.

Hành Không Tam-muội[8], chính là Ưu-bà-tư Tỳ-thù-tiên.

Hành Vô tưởng Tam-muội[9], chính là Ưu-bà-tư Ưu-na-đà.

Hành Vô nguyện Tam-muội[10], chính là Ưu-bà-tư Vô Cấu.

Thích dạy dỗ người, chính là Ưu-bà-tư phu nhân Thi-lợi.

Khéo hay trì giới, chính là Ưu-bà-tư Ương-kiệt-ma.

Dung mạo đoan chánh, chính là Ưu-bà-tư Lôi Diệm.

Các căn tịch tĩnh, chính là Ưu-bà-tư Tối Thắng.

Nghe nhiều, biết rộng, chính là Ưu-bà-tư Nê-la.

Thường sáng tác kệ tụng, chính là Ưu-bà-tư Tu-ma-ca-đề Tu-đạt Nữ. Không chỗ khiếp nhược, cũng là Ưu-bà-tư Tu-đạt Nữ.

Ưu-bà-tư thủ chứng cuối cùng trong hàng Thanh văn của ta, chính là Ưu-bà-tư Lam.

M

Kệ tóm tắt:

Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên
Ưu-na, Vô Cấu, Thi
Ương-kiệt, Lôi Diệm, Thắng
Nê, Tu, Lam-ma Nữ.

Ba mươi Ưu-bà-tư này nói rộng như trên.

M

8. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.
9. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.
10. Xem cht. kinh số 4, phẩm 5 trên.